

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24/ 7/ 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Thương.

2. Bà Nguyễn Thị Tâm

- Th- ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2019/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị Nh, sinh năm 1981.

Nơi ĐKNKTT: Đội 16, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Đội 14, xã Th, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Cà Văn X, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Đội 16, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21/03/2019 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Lương Thị Nh (nguyên đơn) trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Chúng tôi tổ chức lễ cưới theo phong tục và về ở với nhau năm 2005, đến ngày 28/5/2007 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo qui định của pháp luật. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Chung sống với nhau hơn 12 năm qua, chúng tôi dần dần phát sinh mâu thuẫn từ nhỏ đến lớn đặc biệt trong khoảng thời gian từ ngày 10/9/2018 đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng tới mức khó có thể giải quyết, chúng tôi đã sống ly thân từ giữa tháng 11/2018 cho đến nay, tôi nghiêm túc nhìn nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cũng như duy trì quan hệ hôn nhân với chồng tôi thêm nữa, tiếp tục chỉ làm khổ con và hai chúng tôi. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh X.

2. *Về con chung:* Chúng tôi có hai con chung, cháu Cà Thị Hoài A, sinh ngày 19/5/2005 và Cà Duy Qu, sinh ngày 15/12/2010. Tôi có nguyện vọng nuôi cả hai cháu cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại bản tự khai của hai cháu đều khai muốn ở với tôi, nên tôi đồng ý với nguyện vọng của hai cháu.

3. *Về tài sản:* Tài sản riêng; Tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/04/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết anh Cà Văn X (bị đơn) trình bày như sau:

1. *Về hôn nhân:* Chúng tôi tổ chức lễ cưới theo phong tục và về chung sống với nhau từ năm 2005, đến ngày 28/5/2007 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc. Chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ tôi thường xuyên đi qua đêm không về nhà ngủ, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chúng tôi sống ly thân từ tháng 03/2019 cho đến nay. Tôi mong Tòa án hòa giải cho chúng tôi về đoàn tụ. Bản thân tôi không đánh đập vợ con tôi, tôi chỉ chửi vì tôi có nghi ngờ cô Nh có mối quan hệ bất chính, nếu cô Nh chấp nhận trả khoản nợ Ngân hàng chính sách và Ngân hàng Nông nghiệp là 200.000.000(hai trăm triệu đồng) thì tôi mới đồng ý ly hôn.

2. *Về con chung:* Chúng tôi có hai con chung, cháu Cà Thị Hoài A, sinh ngày 19/5/2005 và Cà Duy Qu, sinh ngày 15/12/2010. Tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Qu cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản:* Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 03/07/2019, chính quyền địa phương xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên cung cấp như sau:

Chị Nh và anh X có đăng ký kết hôn vào ngày 28/05/2007 tại UBND xã N, huyện Điện Biên và về chung sống với nhau tại Đội 16, xã N, huyện Điện Biên. Trong quá trình chung sống hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân do chị Nh có nghi ngờ anh X sử dụng chất ma túy, anh X thì nghi ngờ chị Nh có mối quan hệ bất chính nhưng không bắt được từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm giữa hai người không còn, chị Nh đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11/2018 cho đến nay, hai người không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Hai anh chị có hai con chung, cháu Cà Thị Hoài A, sinh ngày 19/5/2005 và Cà Duy Qu, sinh ngày 15/12/2010. Hai cháu đều trên 07 tuổi nên giao các cháu cho ai cần phải xem xét vào nguyện vọng của các cháu. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho hợp lý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân huyện Điện Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng mối quan hệ pháp luật có tranh chấp, thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về xây dựng hồ sơ; xác minh, thu thập chứng cứ; Thông báo cho đương sự và Viện kiểm sát đầy đủ các văn bản tố tụng; Ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trong thời hạn luật định. Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn. Bị đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71, BLTTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Nh được ly hôn với anh X.

- Về con chung: Căn cứ Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX giao các cháu Cà Thị Hoài A và cháu Cà Duy Qu cho chị Nh chăm sóc. Chị Nh không yêu cầu anh X về cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị Lường Thị Nh và anh Cà Văn X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh X được kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và nghi thức kết hôn do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh X là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 10/9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không tin tưởng nhau, chị Nh có nhìn thấy anh X sử dụng chất ma túy tại nhà, anh X thì nghi ngờ chị Nh có mối quan hệ bất chính nhưng không bắt được từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, chị Nh đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh X từ tháng 11/2018 cho đến nay; Chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên xin ly hôn. Anh X không đồng ý ly hôn và anh đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ. Tòa án đã mở phiên hòa giải để phân tích, hòa giải hàn gắn hạnh phúc gia đình giữa chị Nh và anh X nhưng không có kết quả, chị Nh cương quyết xin ly hôn. Anh X đề nghị chị Nh phải trả khoản nợ Ngân hàng chính sách và Ngân hàng Nông nghiệp là 200.000.000 (hai trăm triệu đồng) thì anh X mới đồng ý ly hôn, tuy nhiên Tòa án đã phân tích cho anh X hiểu số tiền trên sẽ được Tòa án giải quyết trong phần nợ phải trả giữa hai vợ chồng nếu như cả hai có yêu cầu, nhưng anh X và chị Nh không có văn bản hay ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết về khoản nợ trên mà chỉ nêu trong biên bản hòa giải, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Ngoài ra theo xác minh tại địa phương cho biết chị Nh và anh X đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, nguyên nhân do anh chị có nghi ngờ, không tin tưởng nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và tại phiên tòa anh X khai anh không đánh đập vợ con, chỉ chửi mắng và bực tức chị Nh nên có mua heroine về sử dụng tại nhà bằng hình thức hít. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nh và anh X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy nguyện vọng xin ly hôn của chị Nh là phù hợp với qui định tại điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh.

[2.2] . Về con chung: Chị Nh và anh X có hai con chung, cháu Cà Thị Hoài A, sinh ngày 19/5/2005 và Cà Duy Qu, sinh ngày 15/12/2010. Chị Nh có nguyện vọng muốn nuôi cả hai cháu. Tại bản tự khai và tại các phiên hòa giải anh X có nguyện vọng được nuôi cháu Cà Duy Qu cho đến khi thành niên và có khả năng

lao động. Tại bản tự khai của hai cháu khai vào ngày 05/6/2019 các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Chị Nh hiện tại đang làm thuê tại Nhà hàng Ngọc Mai có đơn xác nhận của chủ nhà hàng Ngọc Mai xác nhận trả lương 6.000.000đ (sáu triệu đồng)/ tháng, chị Nh xác định bản thân đủ sức khỏe để nuôi hai con chung. Tại phiên tòa anh X khai hiện tại anh ở nhà, không có việc làm ổn định, bản thân đang sống phụ thuộc vào bố mẹ, trong thời gian ly thân anh X có đến nhà bố mẹ để chị Nh thăm con chung vài lần nhưng không trợ cấp nuôi con. HĐXX xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi, đảm bảo về vật chất và tinh thần của các con. Do vậy nguyện vọng của chị Nh, nguyện vọng của hai cháu A, Qu là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị Nh và hai cháu. Giao hai cháu cho chị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Nguyện vọng của anh X không được Tòa án chấp nhận. Anh X có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh và anh X đều tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nh và anh X đều thống nhất thỏa thuận: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2. 4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nh phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ vào ngày 21/03/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên (chị Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 235; 264 và 267 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lương Thị Nh được ly hôn với anh Cà Văn X.
2. Về con chung: Giao hai cháu Cà Thị Hoài A, sinh ngày 19/5/2005 và Cà Duy Qu, sinh ngày 15/12/2010 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm

sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, có tài sản để tự nuôi mình hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chị Nh và anh X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về; Diện tích ruộng, nương: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nh phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ vào ngày 21/03/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên (chị Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/7/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THA huyện DB;
- Các đương sự;
- UBND xã Noong Hẹt;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Thủy